

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 253/2023/HNGĐ-ST
Ngày 14-12-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Minh Huế

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Công Hạ

Ông Bùi Đức Khoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đình Hiến - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 291/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2023 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 229/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T; Nơi cư trú: Thôn 1, xã H1, huyện T1, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Anh Đỗ Văn H; Nơi cư trú: Thôn 1, xã H1, huyện T1, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện, tại Biên bản lấy lời khai ngày 14 tháng 11 năm 2023, trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là chị Bùi Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Đỗ Văn H do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H1, huyện T1, thành phố Hải Phòng vào ngày 01 tháng 11 năm 1999. Sau khi kết hôn, chị về chung sống cùng gia đình anh H ở thôn 1, xã H1, huyện T1 thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính

tình không hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng có khó khăn về kinh tế nên thường xảy ra va chạm cãi chửi nhau, Từ năm 2021 đến nay, chị đã thuê nhà trọ ở cùng thôn để ở không chung sống cùng anh H nữa. Từ khi chị bỏ đi, anh H không đến tìm chị, chị cũng không lần nào trở về chung sống cùng anh. Chị và anh H sống ly thân từ năm 2021 đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ Văn H.

Về con chung: Chị và anh Đỗ Văn H có ba con chung là Đỗ Văn T2, sinh ngày 06 tháng 4 năm 2000; Đỗ Thanh H2, sinh ngày 24 tháng 8 năm 2004; Đỗ Gia H3, sinh ngày 26 tháng 5 năm 2013. Chị đề nghị Tòa án giao con chung Đỗ Gia H3 cho chị nuôi dưỡng, không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Đối với các con chung Đỗ Văn T2 và Đỗ Thanh H2 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 21 tháng 11 năm 2023 và tại phiên tòa, chị Bùi Thị T thay đổi quan điểm về con chung: Chị đề nghị Tòa án giao con chung Đỗ Gia H 3 cho anh Đỗ Văn H nuôi dưỡng. Về quan hệ hôn nhân, về con chung đã thành niên, về cấp dưỡng nuôi con và về tài sản chung, chị giữ nguyên quan điểm theo lời khai chị đã khai tại đơn khởi kiện và Biên bản lấy lời khai ngày 14 tháng 11 năm 2023.

Tại Đơn xin giải quyết đề ngày 24 tháng 10 năm 2023 và Bản tự khai ngày 21 tháng 11 năm 2023, bị đơn là anh Đỗ Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống của anh và chị Bùi Thị T theo như lời khai chị T đã khai là đúng. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do từ khi anh bị tai nạn chị T không còn quan tâm trách nhiệm đến anh, chị T đã thuê nhà trọ ở riêng sống ly thân với anh. Nay chị T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh không đồng ý, vì anh và chị T còn nhiều việc phải giải quyết.

Về con chung: Anh và chị Bùi Thị T có ba con chung theo như chị T đã khai là đúng. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn anh đề nghị được nuôi dưỡng con chung Đỗ Gia H3. Về việc cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Các con chung Đỗ Văn T2 và Đỗ Thanh H2 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với

nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do đã chưa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật Dân sự; các điều 51, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Bùi Thị T được ly hôn anh Đỗ Văn H. Về con chung: Giao cho anh H nuôi dưỡng con chung Đỗ Gia H3, sinh ngày 26 tháng 5 năm 2013 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Đối với các con chung Đỗ Văn T2, sinh ngày 06 tháng 4 năm 2000 và Đỗ Thanh H2, sinh ngày 24 tháng 8 năm 2004 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không giải quyết; Không giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con và tài sản. Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Bùi Thị T có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Đỗ Văn H. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Đỗ Văn H hiện đang cư trú tại thôn 1, xã H2, huyện T2, thành phố Hải Phòng, nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt đương sự: Bị đơn anh Đỗ Văn H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị T và anh Đỗ Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã H2, huyện T2, thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 01 tháng 11 năm 1999, nên theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Căn cứ lời khai các đương sự, căn cứ các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập có đủ cơ sở xác định: Quá trình chung sống chị Bùi Thị T và anh Đỗ Văn H đã phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng có khó khăn về kinh tế nên thường xuyên xảy ra va chạm cãi vã xúc phạm nhau. Hiện tại hai bên cư trú mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Xét quan hệ hôn nhân của chị Bùi Thị T và anh Đỗ Văn H là không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đề nghị xin được ly hôn của chị T đối với anh H. Anh Đỗ Văn H không đồng ý ly hôn nhưng anh H không có

giải pháp để khắc phục mâu thuẫn, nên việc anh H không đồng ý ly hôn là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị Bùi Thị T và anh Đỗ Văn H có ba con chung là Đỗ Văn T2, sinh ngày 06 tháng 4 năm 2000; Đỗ Thanh H2, sinh ngày 24 tháng 8 năm 2004; Đỗ Gia H3, sinh ngày 26 tháng 5 năm 2013. Chị T và anh H đều đề nghị Tòa án giao con chung Đỗ Gia H3 cho anh H nuôi dưỡng. Con chung Đỗ Gia H3 có nguyện vọng được ở với bố. Xét thấy, hiện tại chị T buôn bán nhỏ còn anh H lái tàu biển nên khả năng và điều kiện nuôi dưỡng con chung của chị T và anh H như nhau. Con chung Đỗ Gia H3 ở với anh H đã ổn định và có nguyện vọng được ở với anh H. Nên để đảm bảo quyền lợi cho con chung cần giao con chung Đỗ Gia H3 cho anh H nuôi dưỡng.

[6.1] Đối với các con chung Đỗ Văn T2, sinh ngày 06 tháng 4 năm 2000; Đỗ Thanh H2, sinh ngày 24 tháng 8 năm 2004 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên Tòa án không giải quyết.

[6.2] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Bùi Thị T và anh Đỗ Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con, khi nào các đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

[7] Về tài sản chung: Chị Bùi Thị T và anh Đỗ Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét, giải quyết về tài sản, khi nào các đương sự có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

[8] Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị T và anh Đỗ Văn H được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 6; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị T được ly hôn anh Đỗ Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung Đỗ Gia H3, sinh ngày 26 tháng 5 năm 2013 cho anh Đỗ Văn H nuôi dưỡng đến khi con chung Đỗ Gia H3 đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Đối với các con chung Đỗ Văn T2, sinh ngày 06 tháng 4 năm 2000; Đỗ Thanh H2, sinh ngày 24 tháng 8 năm 2004 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên Tòa án không giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Bùi Thị T và anh Đỗ Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con, khi nào các đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

4. Về tài sản chung: Chị Bùi Thị T và anh Đỗ Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không giải quyết về tài sản, khi nào các đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

5. Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn chị T đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0008717 ngày 10 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên. Chị Bùi Thị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND H Thủy Nguyên;
- Chi cục THA DS H Thủy Nguyên;
- UBND xã H2, huyện T2; (ĐKKH ngày 01 tháng 11 năm 1999);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trương Minh Huế

